

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2018/HS-ST
Ngày 09-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Chiến

Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Minh T (tên gọi khác: Cu Ba), sinh năm 1988 tại huyện P, tỉnh B; nơi cư trú: Số nhà 98/10, đường Đ, phường Đ, thị xã A, tỉnh B; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Minh T1, sinh năm 1960 (chết) và bà Đặng Thị H1, sinh năm 1960; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1990 và có 01 người con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại tòa.

*** Người bị hại:** Anh Trương Văn L, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số nhà 98/8, đường Đ, phường Đ, thị xã A, tỉnh B, có mặt

*** Người làm chứng:**

1/ Anh Trương Văn G, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số nhà 132/11, đường Đ, phường Đ, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt

2/ Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số nhà 98/8, đường Đ, phường Đ, thị xã A, tỉnh B, có mặt

3/ Chị Tôn Thị Thanh T3, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số nhà 100/15, đường Đ, phường Đ, thị xã A, tỉnh B, có mặt

4/ Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số nhà 100/15, đường Đ, phường Đ, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt

5/ Chị Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số nhà 98/10, đường Đ, phường Đ, thị xã A, tỉnh B, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 30/10/2017, sau khi ăn giỗ về nhà Lê Minh T thấy anh Trương Văn L ở cạnh nhà T đang ngồi nhậu cùng anh Trương Văn G (L và G là anh em cùng mẹ khác cha với mẹ của T) thì T chửi: “Đồ chó”. Nghĩ là T chửi mình nên anh L ra trước sân chửi lại T và đòi đánh T. Anh L lấy 01 đoạn tre khô dài 2,725m đường kính 4,8cm đập vào hàng rào lưới B40 của nhà T. T chạy vào nhà lấy gạt tàn thuốc lá chạy ra ném anh L nhưng không trúng. T tiếp tục chạy vào nhà lấy 01 con dao Thái lan dài 33,5cm, cán nhựa màu đen, phần lưỡi dài 22cm, nơi rộng nhất 4cm, mũi nhọn chạy ra sân nhà mình rồi trèo nhảy qua hàng lưới B40 sang phần sân nhà anh L. Anh L thấy T nhảy sang nên cầm đoạn tre đánh bổ vào người T nhưng không trúng. T tiến đến đứng đối diện, cách anh L khoảng 0,8m rồi cầm dao chém trúng vào vùng thượng vị của anh L gây thương tích. Anh L ôm vết thương quay người bỏ chạy thì bị T chém tiếp 01 mất nữa trúng vào vùng hạ sườn phải của anh L gây thương tích. Anh L chạy ra trước cổng ngõ nhà mình thì được người thân đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh cấp cứu.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số: 825/CN ngày 29/11/2017 của Bệnh viện đa khoa tỉnh B xác nhận tình trạng thương tích của anh Trương Văn L lúc vào viện: Vết thương khoảng 4cm vùng thượng vị tróc lóc, đứt cơ thành bụng đang chảy máu; vết thương vùng hạ sườn (P)

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 02/2018/PY-TgT ngày 03/01/2018 của Trung T pháp y tỉnh B kết luận: “Vết thương vùng thượng vị gây đứt cơ đã phẫu thuật khâu cơ, khâu vết thương. Hiện để lại sẹo hình chữ V ngược, cạnh dài 03cm và 04cm, chỗ rộng nhất 0,5cm; vết thương vùng hạ sườn phải đã điều trị. Hiện để lại sẹo mờ kích thước (8x03)cm. Tỷ lệ tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên hiện tại là 8%

Trong quá trình điều tra, anh Trương Văn L yêu cầu Lê Minh T phải bồi thường số tiền 96.833.721đ. Lê Minh T đã tự nguyện nộp tại số tiền 10.000.000đ để khắc phục một phần hậu quả cho anh L.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 con dao Thái lan dài 33,5cm, cán nhựa màu đen, lưỡi nhọn bằng kim loại dài 22cm, bản lưỡi rộng nhất 04cm

Tại bản Cáo trạng số 03/QĐ-VKSAN ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Lê Minh T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Minh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội bản cáo trạng đã truy tố bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã A vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1 Điều 5; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo Lê Minh T từ 09-12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18-24 tháng.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các điều 584, 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự, tuyên buộc bị cáo Lê Minh T phải bồi thường cho anh Trương Văn L các khoản chi phí theo quy định.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự, tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 con dao Thái Lan dài 33,5cm, cán nhựa màu đen, lưỡi nhọn bằng kim loại dài 22cm, bản lưỡi rộng nhất 04cm; chuyển số tiền 10.000.000 đồng bị cáo Lê Minh T tự nguyện nộp khắc phục hậu quả sang Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã A để đảm bảo công tác thi hành án.

Tại phiên tòa, anh Trương Văn L yêu cầu bị cáo Lê Minh T phải bồi thường cho anh các khoản chi phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật

[2] Xét về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với lời khai của người làm chứng chị Tôn Thị Thanh Thúy và vật chứng thu giữ, đủ căn cứ để xác định: Ngày 30/10/2017, giữa bị cáo và anh Trương Văn L xảy ra mâu thuẫn chửi bới, thách đố lẫn nhau. Bị cáo dùng gạt tàn thuốc lá ném anh L và anh L cũng dùng đoạn cây tre đánh bị cáo, nhưng đều không trúng. Sau đó, bị cáo dùng dao Thái Lan chém 02 nhát trúng vùng thượng vị và hông phải của anh L gây thương tích. Theo kết luận giám định của Trung T pháp y tỉnh B, xác định tỉ lệ tổn hại sức khỏe của anh L do thương tích gây ra là 8%. Công cụ bị cáo sử dụng gây thương tích cho anh L là dao Thái Lan. Theo quy định tại điểm 2.2 mục 1 phần I của Nghị quyết số: 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì dao Thái Lan là hung khí nguy hiểm, nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo Lê Minh T là một công dân đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi, nhận thức được tính mạng, sức khỏe của mọi công dân là quyền bất khả xâm phạm, được pháp luật bảo vệ và nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm cách trái pháp luật gây

tổn hại sức khỏe của người khác. Hơn nữa giữa người bị hại và bị cáo lại có quan hệ ruột thịt với nhau. Thế nhưng chỉ vì mâu thuẫn trong cuộc sống, bị cáo không biết kiềm chế cảm xúc nên đã dùng dao gây thương tích cho anh L với tỉ lệ tổn hại sức khỏe 8%. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã tước đoạt một phần sức khỏe của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương, nên cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nơi cư trú rõ ràng, được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ và không phải chịu tình tiết tăng nặng, nên áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, anh L yêu cầu bị cáo T phải bồi thường các khoản chi phí theo quy định của pháp luật, nên căn cứ Điều 590 của Bộ luật Dân sự, mức bồi thường được xác định:

- Chi phí chở đi cấp cứu và điều trị thương tích là 4.833.721đ
- Chi phí bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe là 3.000.000đ
- Thu nhập bị mất của anh L và người chăm sóc: $[200.000\text{đ/ngày} \times 03 \text{ ngày (từ ngày 30/10 đến 01/11/2017)}] \times 2 = 1.200.000\text{đ};$
- Tiền bù đắp tổn thất tinh thần : $10 \text{ tháng lương} \times 1.300.000\text{đ/tháng} = 13.000.000\text{đ}$

Tổng cộng số tiền bị cáo phải bồi thường là 22.033.721đ

Bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường trước 10.000.000đ, nên còn phải tiếp tục bồi thường cho anh L số tiền 12.033.721đ

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000đ hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã A để đảm bảo công tác thi hành án.

[4] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã A thu giữ 01 con dao Thái Lan dài 33,5cm, cán nhựa màu đen, lưỡi nhọn bằng kim loại dài 22cm, bản lưỡi rộng nhất 04cm. Đây là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng. Áp dụng Điều Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự tuyên tịch thu, tiêu hủy.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 601.685đ án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội: “Cố ý gây thương tích”

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo Lê Minh T cho UBND phường Đập Đá, thị xã A, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Lê Minh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

* Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các điều 584, 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Lê Minh T có trách nhiệm bồi thường cho anh Trương Văn L số tiền 12.033.721 (mười hai triệu, ba mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi một) đồng, ngoài số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng bị cáo đã tự nguyện nộp trước.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu thêm một khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã A theo biên lai thu tiền số 02913 ngày 14/3/2018 để đảm bảo công tác thi hành án.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự, tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 con dao Thái Lan dài 33,5cm, cán nhựa màu đen, lưỡi nhọn bằng kim loại dài 22cm, bản lưỡi rộng nhất 04cm

* Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Minh T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 601.685 (sáu trăm lẻ một nghìn, sáu trăm tám mươi lăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

* Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND TX. A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Công an TX. A;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Văn Hà

